

# 1. TỶ SỐ GIỚI TÍNH KHI SINH VÀ LỰA CHỌN GIỚI TÍNH Ở CHÂU Á

Phần lớn các quốc gia trên thế giới có TSGTKS dao động ở mức 104-106 trẻ em trai cho 100 trẻ em gái. Những dao động nhỏ quan sát được này là do tác động của yếu tố sinh học, tuổi, thứ tự sinh, và các yếu tố chưa rõ khác. Tuy nhiên, TSGTKS đã tăng dần trong 25 năm qua ở một số quốc gia châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ. TSGTKS ở một số vùng của hai quốc gia này rất cao, đạt mức trên 125 hoặc 130. Đáng chú ý nhất là các vùng phía Đông Trung Quốc hay Tây Bắc Ấn Độ, có TSGTKS tăng liên tục từ những năm cuối thập kỷ 80 và đạt mức cao trên 120 từ năm 2000 đến nay (Bảng 1).

**Bảng 1: Tỷ số giới tính khi sinh ở một số quốc gia, 2004-2009**

Quốc gia/ Vùng	TSGTKS	Thời kỳ	Nguồn số liệu
<b>Albania</b>	111,5	2008	Hệ thống Đăng ký khai sinh
<b>Armenia</b>	115,8	2008	Hệ thống Đăng ký khai sinh
<b>Azerbaijan</b>	117,2	2007	Hệ thống Đăng ký khai sinh
<b>Trung Quốc (Đại lục)</b>	120,6	2008	Ước lượng quốc gia
Tỉnh Giang Tây	137,1	2004	TĐTDS, mẫu 1%
Tỉnh An Huy	132,2	2004	TĐTDS, mẫu 1%
Tỉnh Thiểm Tây	132,1	2004	TĐTDS, mẫu 1%
<b>Georgia</b>	111,9	2006	Hệ thống Đăng ký khai sinh
<b>Ấn Độ</b>	110,6	2006-08	Hệ thống Đăng ký khai sinh mẫu
Bang Punjab	119,6	2006-08	Hệ thống Đăng ký khai sinh mẫu
Bang Haryana	118,0	2006-08	Hệ thống Đăng ký khai sinh mẫu
Bang Rajasthan	114,9	2006-08	Hệ thống Đăng ký khai sinh mẫu
<b>Montenegro</b>	109,6	2004-08	Tỷ số giới tính trẻ em
<b>Pakistan</b>	108,9	2003-07	Điều tra Sức khỏe và Nhân khẩu học
<b>Hàn Quốc</b>	106,4	2008	Hệ thống Đăng ký khai sinh

*Nguồn: Văn phòng Thống kê, UNFPA (2010), Eurostat*

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới con số gia tăng rõ rệt này, bao gồm tỷ lệ đăng ký khai sinh thấp và các vấn đề đo lường khác. Ở một số quốc gia như Trung Quốc, việc thống kê không đầy đủ số sinh gái (và trẻ em gái) có thể góp phần làm tăng các giá trị của tỷ số giới tính quan sát được. Tuy nhiên, ngay cả khi có một số hạn chế về mặt thống kê, nguyên nhân cốt lõi của việc gia tăng TSGTKS là các cặp vợ chồng đã áp dụng các biện pháp phá thai chọn lọc giới tính để tránh sinh ra các trẻ em gái. Do việc phá thai thường không được ghi chép đầy đủ và không

có thông tin về giới tính của thai bị phá, nên không thể xác định được mức độ phá thai chọn lọc giới tính thực tế, mà chỉ có thể suy ra từ tỷ lệ trẻ em trai vượt trội khi sinh. Mặc dù không có các biện pháp đo lường trực tiếp về mức độ phá thai do chọn lọc giới tính, các điều tra tại địa phương đã dẫn chứng khá chi tiết về tâm lý ưa thích con trai của các cặp vợ chồng ở Trung Quốc và Ấn Độ và những nỗ lực của họ trong việc phá bỏ các thai gái sau khi đã xác định được giới tính thai nhi (Attané và Guilmoto 2007; Miller 2001).

Sự gia tăng TSGTKS cũng quan sát được ở các quốc gia nhỏ hơn ở châu Á và Đông Nam Châu Âu như trình bày trong Bảng 1. Trong một vài trường hợp, mức dư thừa trong TSGTKS là khoảng 5 trẻ em trai cho 100 trẻ em gái. Tuy nhiên ở một số quốc gia trong vùng Cáp-ca như Armenia và Azerbaijan, TSGTKS bắt đầu gia tăng cách đây khoảng 20 năm và vượt trên 115. Ngoài một số nghiên cứu tại Trung Quốc và Ấn Độ, không có một nghiên cứu định tính nào về việc chọn lọc giới tính tại các quốc gia thuộc vùng này. Tuy vậy, giá trị TSGTKS cao từ số liệu thống kê về số sinh có vẻ như có quan hệ chặt chẽ với ba yếu tố quan sát được ở các quốc gia này, đó là tâm lý ưa thích con trai trong xã hội, sự sẵn có của các cơ sở chẩn đoán giới tính trước sinh và phá thai chọn lọc giới tính, và mức sinh thấp hoặc trung bình. Bên cạnh việc thiếu các điều tra dân tộc học đánh giá những tác động cụ thể của các yếu tố này, việc thiếu nguồn số liệu thống kê tin cậy do thiếu hệ thống đăng ký khai sinh hiệu quả hay thiếu số liệu từ Tổng điều tra Dân số gần nhất càng hạn chế việc tìm hiểu nguyên nhân của xu hướng TSGTKS này. Vì vậy, khó có thể biết mức độ thực sự của tình trạng mất cân bằng TSGTKS trên phạm vi toàn thế giới, ngoài những quốc gia đã trình bày trong Bảng 1.

Để hiểu được những lý do đằng sau tâm lý ưa thích con trai và nhu cầu lựa chọn giới tính trước sinh đòi hỏi xác định ba điều kiện cần (Guilmoto 2009). Điều kiện thứ nhất và là điều kiện tiên quyết là tâm lý ưa thích con trai trong xã hội. Điều này giải thích tại sao các bậc cha mẹ, mặc dù trong các hoàn cảnh rất khác nhau, đều mong muốn có con trai. Hiện tượng phức tạp này là tổng hợp của các quan niệm truyền thống kế thừa từ quá khứ và các giá trị xã hội hiện đại phát sinh từ những chuyển đổi gần đây trong xã hội. Điều kiện cần thứ hai là sự sẵn có của các dịch vụ y tế hiện đại, cần thiết cho việc xác định và lựa chọn giới tính trước sinh. Đáng chú ý là các cơ sở phá thai an toàn và chẩn đoán giới tính trước sinh không phổ biến ở nhiều quốc gia châu Á. Điều kiện thứ ba liên quan đến mức sinh thấp. Sinh ít con có nghĩa là khả năng không có con trai sẽ tăng lên. Số liệu TĐTDS có thể giúp xác định các đặc điểm vùng, kinh tế-xã hội của các nhóm dân cư có xu hướng thực hành lựa chọn giới tính trước sinh.

Việc lựa chọn giới tính trước sinh phản ánh tình trạng bất bình đẳng giới sâu sắc, ngoài ra các nhà khoa học cũng lưu ý các nhà lập chính sách về các hệ lụy trong tương lai của tình trạng mất cân bằng giới tính. Rõ ràng là tình trạng thiếu hụt số trẻ em gái quan sát được gần đây ở nhiều quốc gia sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt phụ nữ ở tất cả các nhóm tuổi trong tương lai. Cấu trúc dân số trong những thập kỷ tới sẽ mang dấu ấn của việc lựa chọn giới tính hiện tại, tạo nên một tình trạng nhân khẩu-xã hội chưa từng có tiền lệ với quy mô dân số nam vượt trội trong một thời gian dài. Theo các nhà khoa học xã hội, tác động chính của hiện tượng mất cân bằng giới tính sẽ liên quan tới quá trình hình thành và cấu trúc gia đình, đặc biệt là hệ thống hôn nhân. Nam giới trẻ tuổi sẽ bị dư thừa so với tỷ lệ nữ giới đang giảm dần trong cùng một thế hệ, và kết quả là họ có thể phải đối mặt với những khó khăn nghiêm trọng khi tìm kiếm bạn đời. Trì hoãn hôn nhân trong nam giới hoặc gia tăng tỷ lệ sống độc thân là những khả năng có thể xảy ra trong tương lai do tình trạng thiếu phụ nữ trong độ tuổi kết hôn. Điều này sẽ tác động ngược lại hệ thống gia đình trong tương lai, nhất là trên thực tế, các xã hội này đều có hệ thống gia đình phụ hệ (theo họ cha) và trước kia hầu hết nam giới đều lập gia đình. Một tỷ lệ lớn nam giới độc thân sẽ không thể duy trì gia đình phụ hệ kiểu truyền thống.

Trong bối cảnh mất cân bằng về TSGTKS bắt đầu từ cuối những năm 1980 hay muộn hơn ở châu Á, mới chỉ có một phần nhỏ trong nhóm dân số bị ảnh hưởng tham gia vào thị trường hôn nhân. Vì vậy còn quá sớm để có thể đánh giá về cách mà hệ thống hôn nhân sẽ phải điều chỉnh để thích ứng với tình trạng mất cân bằng giới tính ngày một gia tăng và ảnh hưởng của nó tới các chiều cạnh của cơ cấu xã hội bao gồm vai trò của phụ nữ trong xã hội (như gia tăng bạo lực giới và buôn bán phụ nữ). Tuy vậy đã có một số kết quả sơ bộ trong việc tìm hiểu các khía cạnh khác nhau của tình trạng dư thừa nam giới tới xu hướng hôn nhân và các hệ thống xã hội<sup>1</sup>.

Trong bối cảnh của những biến đổi tỷ số giới tính đang diễn ra ở châu Á, Việt Nam là quốc gia thu hút sự chú ý của giới quan sát từ lâu vì không có bất kỳ một sự gia tăng nào trong TSGTKS. Số liệu TĐTDS và các điều tra trước đây đã không cho thấy bất kỳ một sự mất cân bằng nào về giới tính khi sinh hoặc ở trẻ em, mặc dù ở Việt Nam đã có sự hiện diện của các điều kiện cần như mức sinh giảm nhanh, hiện đại hóa hệ thống y tế, và tâm lý ưa thích con trai ở nhiều gia đình theo như mô tả của Haughton and Haughton (1995). Từ năm 2000, một vài dấu hiệu gia tăng tỷ lệ sinh trẻ em trai đã được quan sát thấy từ số liệu của các cuộc điều tra Biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình hàng năm do Tổng cục Thống kê (TCTK) tiến hành. Những ước lượng dựa trên số sinh ở các cơ sở y tế sau đó đã được công bố và khẳng định xu hướng này (Bằng và cộng sự 2008). Năm 2009, bản báo cáo chi tiết đầu tiên về tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh được UNFPA công bố và kết luận sự gia tăng TSGTKS đều đặn từ sau năm 2000 (UNFPA 2009). Dựa trên số liệu điều tra và số ca sinh, nghiên cứu này đã xác định TSGTKS năm 2007 là 111, và nhấn mạnh sự gia tăng nhanh chóng trong giai đoạn 5 năm trước đó và sự khác biệt lớn giữa các vùng ở Việt Nam.

Cuộc Tổng điều tra Dân số năm 2009 cung cấp số liệu cập nhật nhất và thống kê chi tiết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh trong thập kỷ vừa qua. Chuyên khảo này trình bày phân tích toàn diện TSGTKS dựa trên điều tra mẫu 15%. Chuyên khảo không chỉ khẳng định lại các xu hướng đã được phát hiện trong các ấn phẩm trước đó của UNFPA về vấn đề này, mà còn chỉ rõ các cơ chế và quan hệ của tình trạng mất cân bằng giới tính ở Việt Nam.

---

<sup>1</sup> Xem các tài liệu, ví dụ Edlund et al. (2007), Kaur (2008), Le et al. (2007), Shakti Vahini (2003), Wei et al. (2009).